

Bản án số: 121/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26-7-2018

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tới.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Phước Công.

Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 340/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Quốc H, sinh năm 1984. (Có mặt)

Cư trú tại: Khóm 3, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Bà Thái Thị N, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Quốc H trình bày:

Ông và bà N sống chung với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, theo giấy chứng nhận kết hôn số 185, quyển số 01 ngày 26 tháng 02 năm 2010, sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm. Hiện nay tình cảm không còn, xin được ly hôn với bà N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Lê Thái Gia H1, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2013. Hiện cháu H1 do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi

ly hôn, ông H đồng ý để bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại Phiên tòa ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bà Thái Thị N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Xét thấy, thời gian ly thân gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, ông H gửi đơn khởi kiện đến Tòa án, bà N không có ý kiến phản hồi, không tạo điều kiện để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Mặt khác, ông H xác định không còn tình cảm với bà N, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Nên, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H đối với bà N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thái Gia H1, sinh ngày 08/01/2013, hiện cháu Hưng đang sống với bà N. Khi ly hôn, ông H đồng ý để bà N nuôi con, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu Hưng sống với bà N vẫn phát triển bình thường về thể chất, tinh thần. Để ổn định cuộc sống cho cháu Hưng nên để bà N tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Do bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Ông Lê Quốc H khởi kiện bà Thái Thị N, bà N cư trú ấp L, xã A, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Thái Thị N đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà N là hợp pháp. Quá trình chung sống do ông, bà bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Mặc dù hai bên gia đình tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Ông H và bà N ly thân từ năm 2015 đến nay không còn liên lạc, vợ chồng không quan tâm lẫn nhau, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa ông H và bà N không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, ông H xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Lê Thái Gia H1, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2013 hiện nay đang sống chung với bà N. Khi ly hôn, ông H đồng ý để bà N tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện nay cháu H1 đã sống ổn định với bà N. Ông H đồng ý để bà N chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bà N cũng không có ý kiến phản đối. Tại biên bản xác minh ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thì cháu H1 sống với bà N phát triển tốt về tinh thần và thể chất, nhà bà N gần trường học, trạm y tế, đảm bảo về việc học hành cũng như chăm sóc sức khỏe cho cháu H1. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà Thái Thị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với ông H.

[5]. *Về tài sản chung*: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[6]. *Về nợ chung*: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông H và bà N thì ông, bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Lê Quốc H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Lê Quốc H.
- Về hôn nhân: Ông Lê Quốc H được ly hôn với bà Thái Thị N.
- Về con chung: Bà Thái Thị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung tên Lê Thái Gia H1, sinh ngày 08 tháng 01 năm 2013.

Bà Thái Thị N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Quốc H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu, không đề cập giải quyết.
- Về nợ chung: Không yêu cầu, không đề cập giải quyết.
- Về án phí: Ông Lê Quốc H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0019610 ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Tới